

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2018

V/v: Tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quảng

2. Bà Đào Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐHPT ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982

HKTT: Tổ 12, YD, phường YS, quận HM, HN; Nơi cư trú: Số 7, ngách 261/33, YD, phường YS, quận HM, HN, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức M, sinh năm 1980

Đăng ký HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 18, cụm 3, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Đức M có tìm hiểu nhau và đã tổ chức lễ cưới khoảng tháng 10/2014, đến ngày 16/02/2015 chị sinh cháu Bùi Tuệ L, sau đó đến ngày 03/4/2015 anh chị mới đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, quận TH, TP HN. Sau khi cưới do anh chị không có nhà nên đã phải đi thuê nhà để ở. Quá trình chung sống chị phát hiện anh M có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở và vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2015 đến nay. Từ sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở thì anh M ở đâu chị không rõ.

Về con chung: Chị và anh M có một con chung là Bùi Tuệ L, sinh ngày 16/02/2015. Từ khi chị sinh cháu L đến nay chị vẫn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh M không có trách nhiệm gì với con. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2018 bị đơn anh Bùi Đức M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2015 tại Ủy ban nhân dân PT, quận TH, TP HN. Sau khi kết hôn anh chị ra ngoài thuê nhà để ở. Quá trình chung sống anh và chị H có một vài mâu thuẫn và chị H đã tự mang con về nhà ngoại sống nên từ thời gian đó đến nay anh không về thăm con và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Việc chị H xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Bùi Tuệ L, sinh ngày 16/02/2015. Trường hợp không thể đoàn tụ được thì anh mong muốn được nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con tùy chị H. Hiện anh không có chỗ ở nào ổn định.

Về tài sản và công nợ chung: Anh M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các nội dung như đã trình bày ở trên, anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay được mở đến lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Về con chung: Xác định chị H và anh M có một con chung là Bùi Tuệ L, sinh ngày 16/02/2015, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, trong đó có anh M. Tuy nhiên anh M thường xuyên không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (HKTT) và nơi cư trú nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được cho anh M. Theo cung cấp của chính quyền địa phương H thì anh M có HKTT tại Tổ 18, cụm 3, PT, quận TH, TP HN nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ này mà đi đâu không biết, anh M đi đâu cũng không thông báo với chính quyền địa phương. Ông Bùi Đức H là bố đẻ của anh M cũng cho biết: địa chỉ, tổ 18, cụm 3, PT, quận TH, TP HN là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông và anh M, tuy nhiên nhà đất tại đó gia đình ông đã bán cho người khác cách đây khoảng 03 năm, hiện ông và anh M không sinh sống tại địa chỉ này nữa. Anh M thỉnh thoảng có gọi điện về cho gia đình nhưng không cho gia đình biết hiện anh M đang sống ở đâu.

Như vậy thể hiện anh M cố tình giấu địa chỉ. Vì không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M nên Tòa án đã phải tiến hành niêm yết công khai đối với anh M là đúng quy định của pháp luật. Anh M đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng chỉ đến Tòa làm việc ngày 29/3/2018. Phiên tòa lần thứ nhất, ngày 10/7/2018 anh M vắng mặt HĐXX đã hoãn phiên tòa, phiên tòa hôm nay được mở đến lần thứ hai, anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2015 tại phường PT, quận TH, TP HN, đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh M, chị H cùng xác định: Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thiếu quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn với anh M. Anh M cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù anh M có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ song tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có nhiều rạn nứt từ năm 2015 và đã sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau. Anh M cũng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác M tại nơi cư trú cuối cùng của anh M và ý kiến của đại diện gia đình là ông Bùi Đức H (bố đẻ anh M) và bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị H) đều thể hiện: Ngay sau khi anh chị kết hôn và chung sống với nhau anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh M là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xác định anh M, chị H có một con chung là Bùi Tuệ L, sinh ngày 16/02/2015. Ly hôn cả anh M và chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung.

Theo chị H: Từ sau khi chị sinh con đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, anh M không chăm sóc con, cũng không đến thăm con lần nào. Hai mẹ con chị hiện đang sống ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ chị, cháu L ngoan, phát triển bình thường. Hiện chị có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng 9.000.000đồng/tháng, đảm bảo việc chăm sóc con tốt. Chị không đồng ý giao con chung cho anh M nuôi dưỡng.

Theo anh M: Trường hợp anh chị không thể đoàn tụ được thì anh mong muốn được nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con tùy chị H. Hiện anh không có chỗ ở nào ổn định.

HĐXX xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trách nhiệm của cả bố và mẹ. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ. Xét thấy, cháu L còn nhỏ, là con gái rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và thực tế chị H vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu L tốt. Anh M và chị H đều xác nhận từ

khi chị H sinh con đến nay, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn anh M từ sau khi anh chị ly thân anh cũng chưa về thăm con lần nào. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh M, chị H cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, 192, 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Đức M.

Về con chung: Xác định anh M, chị H có một con chung là cháu Bùi Tuệ L, sinh ngày 16/02/2015. Giao chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Bùi Tuệ L đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh M đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh M, chị H cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06538 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM